

Số: 230 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở;
xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi: Bộ Tư pháp

(Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật).

Thực hiện Quyết định số 2658/QĐ-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật

Để thực hiện tốt công tác PBGDPL năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các kế hoạch sau đây: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021; tuyên truyền, phổ biến các đạo luật mới được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ mười và triển khai một số nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021; thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2021; thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” năm 2021; thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật” năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; về kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

Các sở, ban, ngành được giao chủ trì các Đề án, Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch để tổ chức thực hiện như: Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang



chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ giai đoạn 2018-2021” năm 2021; Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo” năm 2021...

Bên cạnh đó, ngày 28/01/2021 Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Kiên Giang năm 2021 và kế hoạch kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và kết quả hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các huyện năm 2021.

Cơ quan thường trực Hội đồng Phối hợp PBGDPL huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 và Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện để tổ chức triển khai thực hiện. Các sở, ban, ngành thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh đều ban hành Kế hoạch thực hiện phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý.

Đồng thời, để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo được thống nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai công tác PBGDPL: Công văn số 127/HĐPH ngày 21/01/2021 về việc tăng cường phổ biến pháp luật dịp Tết Tân Sửu 2021; Công văn số 199/UBND-NCPC ngày 19/02/2020 về việc tăng cường tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về các vấn đề dư luận xã hội quan tâm; Công văn số 424/UBND-NC ngày 07/4/2021 về hưởng ứng Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân”; Công văn số 451/UBND-NC ngày 13/4/2021 về hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2021.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác PBGDPL được Hội đồng Phối hợp PBGDPL các cấp thực hiện tốt ngay từ đầu năm, triển khai kịp thời các nội dung, hình thức, biện pháp PBGDPL đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và kết quả thực hiện công tác PBGDPL

2.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh, các huyện, thành phố thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Cấp tỉnh, ngày 13/5/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban

hành Quyết định số 1202/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh Kiên Giang, có 38 thành viên; cơ cấu thành phần phù hợp với Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ, do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể tỉnh làm thành viên. Ngoài ra, Công an tỉnh thành lập Hội đồng Phối hợp PBGDPL trong Công an tỉnh gồm 14 thành viên; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thành lập Hội đồng Phối hợp PBGDPL trong Bộ đội Biên phòng Kiên Giang gồm 15 thành viên.

15/15 Hội đồng phối hợp PBGDPL các huyện, thành phố đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định kiện toàn thành viên Hội đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng. Số lượng thành viên 15 Hội đồng Phối hợp PBGDPL huyện, thành phố có 437 thành viên, huyện thấp nhất là 23 người và cao nhất là 43 người (huyện Hòn Đất).

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Tính đến nay, cấp tỉnh có 178 báo cáo viên pháp luật; các huyện, thành phố có 483 báo cáo viên pháp luật; cấp xã có 2.316 tuyên truyền viên pháp luật. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đều đạt tiêu chuẩn theo quy định, có khả năng triển khai tuyên truyền các văn bản của Đảng, Nhà nước; thuyết phục, vận động cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước (kèm theo Biểu số 09d/BTP/PBGDPL).

2.2. Kết quả thực hiện công tác PBGDPL

Sáu tháng đầu năm 2021, công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện PBGDPL có nhiều chuyển biến tích cực. Nội dung PBGDPL đã bám sát chủ trương đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn, hình thức phổ biến pháp luật đa dạng như: Tổ chức hội nghị tuyên truyền, lồng ghép vào các cuộc họp, vào các chương trình, hoạt động của cơ quan, tổ chức; biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu tuyên truyền; tuyên truyền trên Báo Kiên Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Đài Truyền thanh cơ sở; Tủ sách pháp luật, các bản tin chuyên ngành; tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở; sinh hoạt các loại hình câu lạc bộ pháp luật ở cơ sở...

Sở Tư pháp - cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp PBGDPL đã phối hợp với Báo Kiên Giang thực hiện tuyên truyền trên Báo Kiên Giang thông qua chuyên mục Đời sống và Pháp luật, đăng vào số báo thứ Ba và thứ Năm hàng tuần (12 kỳ); đồng thời phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang tuyên truyền pháp luật mới thông qua chuyên mục Chính sách pháp luật phát sóng vào

thứ sáu hàng tuần (24 kỳ). Đồng thời, thường xuyên giới thiệu, đăng tải cập nhật tài liệu luật, văn bản pháp luật mới ban hành trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp. Nguồn tài liệu phục vụ cho các sở, ngành, địa phương, đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật khai thác, sử dụng trong công tác PBGDPL đảm bảo quyền được thông tin về pháp luật của công dân,

Toàn tỉnh, đã tổ chức 35.252 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 737.161 lượt người tham dự; biên soạn, in và cấp phát 100.617 tài liệu miễn phí (*kèm theo Biểu số 09d/BTP/PBGDPL*).

3. Kết quả tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

3.1. Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

Tiếp tục nâng cao chất lượng hòa giải viên và tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 14/4/2021 về thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở” năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 139/UBND-NC ngày 05/02/2021 về việc hướng dẫn thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở năm 2021.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở được triển khai kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3.2. Tổ chức hòa giải ở cơ sở

Trong quá trình hoạt động, các tổ hòa giải thường xuyên được củng cố, kiện toàn, phát triển về số lượng và chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn phù hợp với tình hình đặc điểm dân cư ở cơ sở. Đến nay, Tổ hòa giải được thành lập ở tất cả các khóm, ấp, khu phố và cụm dân cư; mỗi tổ hòa giải có từ 5 đến 12 hòa giải viên, có nơi đến 15 hòa giải viên.

Hiện nay, toàn tỉnh có 953 tổ/953 ấp, khu phố với 6.032 hòa giải viên.

3.3. Hoạt động của tổ hòa giải

Sáu tháng đầu năm 2021, các tổ hòa giải đã tiếp nhận 1.806 vụ việc; đã tổ chức đưa ra hòa giải 1.761 vụ việc; hòa giải thành 1.474 vụ việc, đạt 83,7% (giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2020). Chất lượng hòa giải ngày càng được nâng cao, Nhân dân tự nguyện thi hành thỏa thuận của mình, hầu hết không tranh chấp lại (*kèm theo Biểu số 11d/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL*).

4. Kết quả thực hiện quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở

Để thực hiện có hiệu quả quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn triển khai việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021, Quyết định công bố danh sách 144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và 01 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 tại 15/15 huyện, thành phố trong tỉnh. Kết quả này đã góp phần địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, tính đến nay, trong toàn tỉnh có 90/116 xã đạt nông thôn mới và 03 huyện đạt nông thôn mới.

5. Việc xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật

Triển khai thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 505/UBND-NC ngày 26/4/2021 về việc sát nhập tử sách pháp luật cấp xã với Bru điện - Văn hóa xã/Trung tâm học tập cộng đồng để có phương hướng xây dựng, khai thác tử sách pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả.

6. Kinh phí dành cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở năm 2021 tại địa phương

Sáu tháng đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân các cấp đều cấp kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở để các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện theo quy định (*kèm theo Biểu số 09d/BTP/PBGDPL và 11d/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL*).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật đã có nhiều chuyển biến tích cực; nhất là công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung PBGDPL đã bám sát chủ trương đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn tuyên truyền; hình thức tập huấn kiến thức pháp luật được đổi mới bằng hình thức trực tuyến tạo điều kiện cho báo cáo viên pháp luật ở cơ sở tham gia đầy đủ và các Chương trình, đề án được tổ chức triển khai kịp thời theo quy định.

Các ngành, các cấp đã có sự phối hợp tốt trong chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL; tập trung triển khai các Đề án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Lực lượng làm công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật thường xuyên được quan tâm, củng cố, kiện toàn, góp phần vào hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật ở địa phương.



2. Hạn chế

- Nhiều Đề án thuộc phạm vi, trách nhiệm của nhiều ngành quản lý nên khi thực hiện gặp không ít khó khăn.

- Đôi lúc chưa huy động được sức mạnh tập thể trong công tác phối hợp của các thành viên Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cán bộ pháp chế hầu hết là kiêm nhiệm nên hạn chế về thời gian, ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền trong cán bộ và Nhân dân; kỹ năng tuyên truyền của một số báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật còn hạn chế.

- Do đặc thù hòa giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của Nhân dân, chưa có chế độ phụ cấp cho hòa giải viên; kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải còn ít, không đủ để hoạt động, nhất là các xã có nguồn thu ngân sách thấp; công tác thi đua, khen thưởng đối với người làm công tác hòa giải ở cơ sở chưa quan tâm đúng mức từ đó ảnh hưởng tới sự nhiệt tình, tích cực của hòa giải viên.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, hướng dẫn công tác PBGDPL tập trung vào những nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 và các kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ; tổng kết Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 và các đề án theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chỉ đạo Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng, Nhà nước; các đạo luật mới được Quốc hội thông qua. Lựa chọn những văn bản pháp luật quan trọng đã ban hành trước đây có liên quan mật thiết tới đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân để tuyên truyền, phổ biến phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh. Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở nhằm trang bị kiến thức pháp luật mới và nâng cao chất lượng trong công tác PBGDPL; bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.



4. Tổ chức kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021; tập trung kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thù lao cho hòa giải viên.

5. Hướng dẫn tổ chức “Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2021 hiệu quả, thiết thực phù hợp với đặc thù của địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang./. *kt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Công tác phía Nam -Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- TT. Hội đồng PHPBGDPL tỉnh (Sở Tư pháp);
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ Việt Nam và đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP, P. NC;
- Lưu: VT, ntttrang (01b).



Nguyễn Đức Chín



Biểu số: 11d/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL
Ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP
ngày 20/3/2019

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 02 năm sau

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ, XÂY DỰNG CẤP XÃ
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo: 6 tháng
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
đến ngày 31 tháng 5 năm 2021)

(Đính kèm Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

(Cục Kế hoạch - Tài chính)

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang) (Vụ việc)	Kết quả hòa giải (Vụ việc)						Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên (Đồng)		Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành				Số vụ việc chưa giải quyết xong	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó: Kinh phí Chi thù lao	Số xã	Số phường, thị trấn
			Tổng số	Chia ra							
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, HNGĐ	Vụ việc khác thuộc phạm vi HGOCS					
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	1,806	1,474	287	125	112	50	45	337,930,000	275,530,000	116	28
1. Thành phố Rạch Giá	87	82	5	3	2	0	0	15,230,000	12,830,000	1	11
2. Thành phố Hà Tiên	27	17	10	1	7	2	0	24,000,000	4,350,000	2	5
3. Thành phố Phú Quốc	39	25	12	6	5	1	2	14,000,000	7,600,000	8	2
4. Huyện An Biên	125	95	14	11	2	1	16	7,000,000	7,000,000	8	1
5. Huyện An Minh	182	147	29	29	0	0	6	41,200,000	32,100,000	10	1
6. Huyện Châu Thành	137	127	10	6	3	1	0	49,600,000	49,600,000	9	1
7. Huyện Giang Thành	25	19	6	1	2	3	0	5,000,000	5,000,000	5	0
8. Huyện Giồng Riềng	277	232	35	7	16	12	10	19,450,000	13,250,000	18	1
9. Huyện Gò Quao	131	112	18	8	9	1	1	16,500,000	16,500,000	10	1
10. Huyện Hòn Đất	271	221	48	6	26	16	2	53,100,000	46,500,000	11	2
11. Huyện Kiên Hải	22	18	4	2	2	0	0	8,300,000	4,400,000	4	0
12. Huyện Kiên Lương	145	119	26	14	10	2	0	26,450,000	23,400,000	7	1
13. Huyện Tân Hiệp	116	101	15	10	4	1	0	23,200,000	23,200,000	10	1
14. Huyện U Minh Thượng	92	73	17	17	0	0	2	18,000,000	18,000,000	6	0
15. Huyện Vĩnh Thuận	130	86	38	4	24	10	6	16,900,000	11,800,000	7	1



Biểu số: 09d/BTP/PBGDPL

Ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 02 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo: 6 tháng

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

đến ngày 31 tháng 5 năm 2021)

(Đính kèm Báo cáo số 230 /BC-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị báo cáo:
UBND Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

	Số Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã (Người)		Số Báo cáo viên pháp luật cấp huyện (Người)		Số Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (Người)		Kết quả hoạt động PBGDPL									
							PBGDPL trực tiếp		Thi tìm hiểu pháp luật		Số tài liệu PBGDPL được phát hành (Bản)		Kinh phí dành cho công tác PBGDPL (Đồng)			
	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó: Số lượng tài liệu đăng tải trên Internet	Tổng số kinh phí	Chia ra		
														Kinh phí NSNN		Kinh phí từ nguồn hỗ trợ khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên	Kinh phí NSNN cấp theo chương trình, đề án	(16)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh	2,316	1,885	483	448	178	169	35,252	737,161	27	10,402	101,188	566	5,566,038,500	3,156,256,500	2,406,282,000	3,500,000
I. Tại cấp tỉnh					178	169	12,326	287,166	3	2,706	63,046	566	4,369,256,000	2,065,674,000	2,303,582,000	0
1. Sở Tư pháp					28	28	0				166	166	1,172,000,000	1,172,000,000	0	0
2. Sở, Ngành, Đoàn thể					80	71	12,258	285,708	2	2,527	62,309	186	1,580,256,000	893,674,000	686,582,000	0
1. Sở Nội Vụ					5	4	0	0	0	0	0	0	12,000,000	12,000,000	0	0
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư					1	1										
3. Sở Tài chính					2	2										
4. Sở Công Thương					2	2	0	0	0	0	19	19	801,800,000	141,000,000	660,800,000	0
5. Sở Nông nghiệp và PTNT					12	12										
6. Sở Giao thông vận tải					3	3	500	12,000	0	0	100	3	0	0	0	0
7. Sở Xây dựng					4	4										
8. Sở Tài Nguyên và Môi trường					3	3										

9. Sở Thông tin và Truyền thông					2	2	8	1,850	0	0	0	0	150,000,000	150,000,000	0	0
10. Sở Lao động - TB&XH					7	4	0	0	0	0	27	27	0	0	0	0
11. Sở Văn hóa và Thể thao					2	1	10	930	1	60	50,017	17	445,174,000	445,174,000	0	0
12. Sở Du lịch					1	1	0	0	0	0	11	11	120,000,000	120,000,000	0	0
13. Sở Khoa học và Công Nghệ					1	1	28	28	0	0	53	53	0	0	0	0
14. Sở Giáo dục và Đào tạo					3	2	0	0	1	2,467	0	0	0	0	0	0
15. Sở Y tế					10	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16. Thanh tra tỉnh					2	2	2	76	0	0	2	2	0	0	0	0
17. Văn phòng UBND tỉnh					7	6	1	86	0	0	0	0	0	0	0	0
18. Sở Ngoại vụ					2	2										
19. Ban Dân tộc					1	1	2	98	0	0	98	0	25,782,000	0	25,782,000	0
20. Ủy ban MTTQ VN tỉnh					2	2	27	558			48	48	8,000,000	8,000,000	0	0
21. Hội Cựu chiến binh					1	1	3,310	60,791	0	0	199	0	0	0	0	0
22. Hội Nông dân tỉnh					3	3	1	66	0	0	66	0	17,500,000	17,500,000	0	0
23. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh					2	1	8,369	209,225	0	0	11,669	6	0	0	0	0
24. Liên đoàn Lao động tỉnh					1	1										
25. Tỉnh Đoàn					1	1										
3. Cơ quan, đơn vị khác					70	70	68	1,458	1	179	571	214	1,617,000,000		1,617,000,000	
II. Tại cấp huyện			483	448			18,654	336,078	16	6,947	13,126	0	760,594,500	758,594,500	2,000,000	0
1. Thành phố Rạch Giá			31	31			1,977	61,934	0	0	800		30,000,000	30,000,000	0	0
2. Thành phố Hà Tiên			27	27			1	65	0	0	65		50,000,000	50,000,000	0	0
3. Thành phố Phú Quốc			68	68			0	0	0	0	0		0	0	0	0
4. Huyện Châu Thành			23	10			25	750	0	0	125		14,000,000	12,000,000	2,000,000	0
5. Huyện Tân Hiệp			57	57			988	36,217	0	0	630		156,853,000	156,853,000	0	0
6. Huyện An Biên			30	30			1,252	18,302	0	0	0		55,000,000	55,000,000	0	0
7. Huyện An Minh			21	21			37	1,312	0	0	780		0	0	0	0
8. Huyện U Minh Thượng			38	38			322	6,440	0	0	0		82,000,000	82,000,000	0	0
9. Huyện Vĩnh Thuận			24	24			12,611	125,770	0	0	797		120,741,500	120,741,500	0	0
10. Huyện Gò Quao			15	15			7	350	0	0	0		0	0	0	0

11. Huyện Giồng Riềng			21	21			0	0	0	0	0	72,000,000	72,000,000	0	0	
12. Huyện Hòn Đất			35	35			1,419	83,114	13	5,860	5,432	30,000,000	30,000,000	0	0	
13. Huyện Kiên Hải			21	21			4	1,480	0	0	4,225	50,000,000	50,000,000	0	0	
14. Huyện Kiên Lương			32	10			5	272	1	637	272	40,000,000	40,000,000	0	0	
15. Huyện Giang Thành			40	40			6	72	2	450	0	60,000,000	60,000,000	0	0	
III. Tại cấp xã	2,316	1,885					4,272	113,917	8	749	25,016	0	436,188,000	331,988,000	100,700,000	3,500,000
1. Thành phố Rạch Giá	216	178					412	18,102	0	0	5,705	13,475,000	13,475,000	0	0	
2. Thành phố Hà Tiên	135	127					314	1,783	0	0	891	10,000,000	10,000,000	0	0	
3. Thành phố Phú Quốc	177	64					168	5,278	0	0	465	113,050,000	16,250,000	93,300,000	3,500,000	
4. Huyện Châu Thành	138	102					39	1,438	0	0	634	18,500,000	18,500,000	0	0	
5. Huyện Tân Hiệp	194	194					903	21,879	0	0	1,528	29,100,000	29,100,000	0	0	
6. Huyện An Biên	94	86					196	5,760	0	0	1,324	9,000,000	9,000,000	0	0	
7. Huyện An Minh	93	93					152	3,821	0	0	74	3,700,000	3,700,000	0	0	
8. Huyện U Minh Thượng	55	55					523	10,438	0	0	0	90,000,000	90,000,000	0	0	
9. Huyện Vĩnh Thuận	287	287					677	12,258	0	0	1,200	15,200,000	7,800,000	7,400,000	0	
10. Huyện Gò Quao	122	107					209	5,818	0	0	1,446	24,025,000	24,025,000	0	0	
11. Huyện Giồng Riềng	260	179					311	12,015	0	0	704	33,600,000	33,600,000	0	0	
12. Huyện Hòn Đất	184	178					66	3,866	0	0	4,065	10,200,000	10,200,000	0	0	
13. Huyện Kiên Hải	58	37					42	2,852	0	0	750	9,338,000	9,338,000	0	0	
14. Huyện Kiên Lương	214	121					158	6,230	8	749	6,230	18,000,000	18,000,000	0	0	
15. Huyện Giang Thành	89	77					102	2,379	0	0	0	39,000,000	39,000,000	0	0	

